

BA BƯỚC NGOẶT, MỘT ĐIỂM ĐẾN CHIẾN THẮNG NGÀY 30 THÁNG 4 NĂM 1975

ĐỖ THANH BÌNH*

Sau thất bại của quân đội viễn chinh Pháp và can thiệp Mỹ ở Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết (21-7-1954), theo đó chế độ thực dân kiểu cũ của Pháp kết thúc, những tưởng sau 9 năm kháng chiến thắng lợi, người dân Việt Nam sẽ được sống trong hòa bình. Thế nhưng điều đó đã không diễn ra. Đế quốc Mỹ đã nhanh chóng thay thế Pháp mưu toan xâm lược Việt Nam, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, nhân dân Việt Nam phải đối mặt với thử thách mới, đó là cuộc xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam. Vì vậy, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp được xem là mỏ dùi cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Điều đó đã được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh khẳng định: “Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng là hồi kèn chiến thắng của nhân dân ta trong trận đầu chống bọn can thiệp Mỹ, là khúc nhạc mở màn cho bản trường ca chống Mỹ cứu nước, chuẩn bị cuộc đọ đầu lịch sử giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ sau này” (1).

Hất cẳng Pháp, chiếm đóng ở miền Nam, mưu toan biến nửa nước Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, Mỹ đã lần lượt thực hiện nhiều chiến lược chiến tranh

thực dân kiểu mới chống lại nhân dân miền Nam Việt Nam. Quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra quyết liệt, cam go suốt 21 năm, nó được xem là “cuộc đọ đầu lịch sử” như cố Chủ tịch Trường Chinh đã chỉ ra. Quá trình cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam là quá trình lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ. Để có thắng lợi cuối cùng ngày 30 tháng 4 năm 1975, quá trình tiến hành cuộc kháng chiến đã trải qua những mốc thắng lợi có tính bước ngoặt: Phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 và Hiệp định Paris năm 1973. Mỗi một sự kiện đều có ý nghĩa thắng lợi ở những góc độ khác nhau nhưng cùng chung một điểm đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

1. Ba bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước...

Phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) đã chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

Thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, Mỹ đã dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm. Thông qua chính quyền Ngô Đình Diệm, Mỹ đã thực hiện cuộc chiến tranh đơn phương chống lại nhân dân miền Nam. Vì thế, trong những năm

*GS.TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1957 - 1959, cách mạng miền Nam phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Dưới sự chỉ huy của các cố vấn Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã mở chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, tăng cường đàn áp những người yêu nước, khủng bố những người kháng chiến cũ, xóa bỏ các cơ sở cách mạng, ra sắc lệnh “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, ban hành đạo luật 10/59 (5-1959), lê máy chém khắp miền Nam, giết hại những người vô tội. Nhà tù, trại giam và trại tập trung mọc lên như nấm khắp miền Nam, làm cho bầu không khí chính trị ngột ngạt cả ở các đô thị và vùng nông thôn. Cuộc đấu tranh bằng phương pháp hòa bình, thực hiện những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ đi tới thống nhất đất nước của nhân dân miền Nam Việt Nam rơi vào bế tắc.

Trong bối cảnh đó, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra đời vào tháng 1-1959 như một luồng gió mới thổi vào cách mạng miền Nam. Nghị quyết của Đảng đã xác định: cách mạng miền Nam không có con đường nào khác là sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Ngô Đình Diệm do Mỹ dựng lên. Nghị quyết cũng chỉ ra phương hướng cơ bản của cách mạng là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang. Sự ra đời của Nghị quyết đã đáp ứng kịp thời yêu cầu cấp bách của cách mạng, của cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước miền Nam. Nhân dân miền Nam đã nhanh chóng chuyển từ phương pháp đấu tranh hòa bình sang con đường bạo lực cách mạng.

Trên cơ sở của Nghị quyết 15, “Đồng khởi” đã nổ ra từ tháng 2-1959 ở Vĩnh Thạnh, Bác Ái,... sau đó lan ra khắp miền Nam trở thành cao trào cách mạng, tiêu biểu là phong trào Đồng khởi ở Bến Tre. Từ

Bến Tre, phong trào mở rộng khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và nhiều nơi ở Trung Trung Bộ. Qua “Đồng khởi”, quần chúng nhân dân đã giải tán hàng loạt bộ máy chính quyền của Ngô Đình Diệm ở nhiều thôn xã, lập Ủy ban nhân dân tự quản và lực lượng vũ trang,...

Trước “Đồng khởi”, dựa trên những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, nhân dân miền Nam đã chuyển từ đấu tranh vũ trang chống Pháp sang đấu tranh chính trị, đấu tranh bằng phương pháp hòa bình với Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, vừa đấu tranh vừa giữ gìn lực lượng. Nhưng kẻ thù đã lựa chọn bạo lực, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác. Với “Đồng khởi”, nhân dân miền Nam đã sử dụng bạo lực cách mạng với kẻ thù, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng, từng bước giành thắng lợi. Phong trào đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm, chấm dứt thời kì ổn định tạm thời của chính quyền này. Từ trong “Đồng khởi”, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời, trở thành tổ chức tập hợp mọi tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Phong trào Đồng khởi đã tạo ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sau “Đồng khởi”, cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ: “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh”,... cuối cùng “đánh cho Mỹ cút” vào đầu năm 1973, sau đó “đánh cho ngụy nhào” vào mùa Xuân năm 1975.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Paris để bàn về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam

Sau “Đồng khởi”, quân và dân miền Nam tiến lên từng bước đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965). Trước nguy cơ phá sản của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ô ạt đưa quân Mỹ vào tham chiến với quy mô lớn ở miền Nam. Lực lượng quân Mỹ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn ở thời điểm cao nhất đã lên tới 1,5 triệu quân. Mỹ đã sử dụng quân đội của mình là lực lượng cơ động chủ yếu với mục tiêu loại bỏ bộ đội chủ lực của Quân giải phóng, sử dụng chính quyền và quân đội Sài Gòn để bình định, mưu toan đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967), đồng thời đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng lực lượng không quân và hải quân. Trong bối cảnh đó, Đảng Lao động Việt Nam đã chỉ ra: “Với việc thay đổi chiến lược chiến tranh như trên của đế quốc Mỹ, cách mạng và cuộc kháng chiến của nhân dân ta đứng trước một tình thế hiểm nghèo. Đảng ta, nhân dân ta sẽ phải đối phó với thách thức ấy như thế nào? Trên chiến trường, cách đánh với quân Mỹ sẽ ra sao? Có tiếp tục đấu tranh chính trị được nữa hay không? Vận mệnh của dân tộc, chiều hướng phát triển của sự nghiệp cách mạng nước ta và trên một mức độ nào đó của cả phong trào cách mạng thế giới, phụ thuộc vào câu trả lời về cách thức chúng ta xử trí tình huống chiến lược hệ trọng này” (2).

Trước vận mệnh dân tộc và trách nhiệm quốc tế lớn lao, Đảng Lao động Việt Nam đã tìm ra câu trả lời và đánh giá chính xác

tình hình, hạ quyết tâm cao trong toàn Đảng, toàn quân và dân ở hai miền Nam - Bắc, quyết đánh bại lực lượng của Mỹ trong cuộc Chiến tranh cục bộ (1965 - 1968). Trong các cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ, quân và dân miền Nam đã lần lượt giành được những thắng lợi quan trọng. Thắng lợi mở màn là Núi Thành (Quảng Nam - 1965), ở Vạn Tường (Quảng Ngãi - 1965). Trận Vạn Tường được coi là “Áp Bắc” đối với quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ, mở đầu cho cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam của Quân giải phóng. Tiếp đó, quân và dân miền Nam đã giành chiến thắng trong hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn. Trong khi đó, quân dân miền Bắc đã đánh bại một bước chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ. Đến cuối năm 1967, cuộc chiến tranh cục bộ của Mỹ đã trải qua 3 năm và đang có nguy cơ thất bại hoàn toàn. Tháng 12-1967, số lượng lính Mỹ ở miền Nam Việt Nam là 485.600 quân, trong đó số lính Mỹ bị chết trong chiến tranh là 15.979 người.

Trong khi đó, theo “Các báo cáo của CIA cho thấy ném bom miền Bắc không làm cho miền Bắc Việt Nam ngừng lại trong khi chúng ta không thể đẩy lùi kẻ thù (Bắc Việt) ở Nam Việt Nam” (3). Tuy nhiên, những thắng lợi này của quân và dân hai miền Nam - Bắc chưa đủ để buộc Mỹ chấp nhận thất bại, Mỹ chưa từ bỏ ý chí xâm lược miền Nam Việt Nam và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán để bàn việc chấm dứt chiến tranh xâm lược, chưa làm thay đổi cục diện chiến tranh có lợi cho cách mạng. Trong bối cảnh này, cách mạng miền Nam cần giáng một đòn mạnh mẽ hơn nữa vào lực lượng Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn, làm cho ý chí xâm lược của Mỹ bị lung lay, tạo nên bước ngoặt của cuộc kháng chiến.

Ngày 28-12-1967, Bộ Chính trị họp phiên đặc biệt, chính thức thông qua Kế hoạch chiến lược năm 1968 với chủ trương: “Chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kì mới, thời kì tiến công và nổi dậy giành thắng lợi quyết định” (4). Để thực hiện quyết tâm chiến lược đó, Bộ Chính trị xác định nhiệm vụ cấp bách của cách mạng Việt Nam trong thời kì mới là: “Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định” (5), đồng loạt giáng cho quân Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn một đòn mạnh mẽ, bất ngờ, làm lung lay ý chí xâm lược, tạo bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến.

Thực hiện chủ trương trên của Đảng, đêm 30 rạng 31 tháng 1 năm 1968, Quân giải phóng đã tấn công vào tất cả các căn cứ quan trọng của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, vào các thành phố và đô thị ở miền Nam Việt Nam, lực lượng ước chừng 84.000 người đã đột nhập đồng thời vào 5/6 thành phố, 36/44 thị xã, 36/242 huyện lỵ, 25 sân bay, nhiều kho tàng, ấp chiến lược, trụ sở chính quyền, trạm cảnh sát (6). Quân giải phóng đã đánh vào 6 mục tiêu chính: Sứ quán Mỹ, Bộ Tổng tham mưu, dinh Độc Lập, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tư lệnh Hải quân và Đài phát thanh. Trong đợt 1, Quân giải phóng đã loại khỏi vòng chiến đấu 147.000 địch, trong đó có 43.000 lính Mỹ, phá hủy một khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Trong đợt 2 và 3 do yếu tố bất ngờ không còn trong bối cảnh Mỹ và chính quyền Sài Gòn tăng cường lực lượng nên Quân giải phóng gặp không ít khó khăn và tổn thất.

Cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968, tuy trong đợt 2 và 3 không đạt được kết quả như mong muốn, nhưng nhìn tổng thể cuộc Tổng tiến công có ý nghĩa to lớn, như Nghị quyết lần thứ 21 (1973) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã khẳng định: “Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 vẫn giữ vị trí rất to lớn và oanh liệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước” (7). Với cuộc Tổng tiến công 1968, “Quân giải phóng trên thực tế đã trói chân, khóa tay tất cả các lực lượng chiến đấu của quân thù trong khắp các tỉnh” (8). Trước thất bại sau đợt 1 cuộc Tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968, ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson đã phải tuyên bố: “Ngừng ném bom ở miền Bắc Việt Nam, cử đại biểu thương lượng với Hà Nội; không ra ứng cử tổng thống Mỹ trong nhiệm kì tiếp theo...” (9). Thực chất, đây là sự thừa nhận thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ phải chuyển từ thế phản công chiến lược bằng hai gọng kìm “tìm diệt và bình định” sang thế bị động phòng ngự bằng biện pháp “quét và giữ”; từ leo thang chiến tranh sang xuống thang chiến tranh, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán lập lại hòa bình ở Việt Nam; từ “Mỹ hóa chiến tranh” sang “Phi Mỹ hóa chiến tranh” và “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Đánh giá về sự kiện Tết Mậu Thân 1968, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ: “Thắng lợi rất oanh liệt của đòn tiến công và nổi dậy táo bạo, bất ngờ đó đã đảo lộn thế chiến lược của địch, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào đàm phán với ta tại Hội nghị Paris” (10). Từ đây, quân và

dân Việt Nam tranh thủ thời cơ chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang một thời kì mới - thời kì tiến công và nổi dậy, giành thắng lợi quyết định, tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi. Sự kiện Tết Mậu Thân 1968 đã góp phần quyết định thúc đẩy kênh đấu tranh ngoại giao trở thành hiện thực.

Hiệp định Paris 1973 góp phần quyết định “đánh cho Mỹ cút” và tạo tiền đề “đánh cho ngụy nhào” vào mùa Xuân năm 1975

Thắng lợi của quân và dân Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam Tết Mậu Thân 1968 làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, là “một đòn choáng váng” đối với cả Washington và Sài Gòn. Chính trong tình hình đó, ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Johnson đã tuyên bố: Hy vọng đi tới hội nghị hòa bình với tinh thần “tìm kiếm một nền hòa bình trong danh dự”. Ngày 3-4-1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố sẵn sàng cử đại diện tiếp xúc với Mỹ. 30 ngày sau đó, hai bên thỏa thuận họp ở Paris.

Cuộc hòa đàm giữa hai bên diễn ra trong bối cảnh quốc tế phức tạp. Sự đối đầu giữa hai cực Xô - Mỹ, giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa diễn ra gay gắt. Ngay trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như hệ thống xã hội chủ nghĩa xuất hiện những mâu thuẫn, bất đồng. Trong bối cảnh quốc tế phức tạp đó, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tự quyết định vận mệnh của mình, tận dụng và phối hợp các hình thức đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, tạo nên các mũi giáp công để giành thắng lợi. Để hỗ trợ cho mặt trận đấu tranh chính trị và ngoại giao, quân và dân Việt Nam đẩy mạnh cuộc đấu

tranh vũ trang. Từ sau sự kiện Tết Mậu Thân 1968, cách mạng Việt Nam luôn ở thế tiến công, trước hết là trên mặt trận quân sự. Tiêu biểu là cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ ở miền Bắc. Trong cuộc đấu tranh ngoại giao, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ đã đạt được những thỏa thuận của bản hiệp định và dự định kí kết vào ngày 25 hoặc 30-10-1972. Tuy nhiên, sau đó Chính phủ Mỹ đã lật lọng, đòi sửa một số điều khoản trong hiệp định có lợi cho Mỹ. Để ép Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải chấp nhận những điều khoản do Mỹ thay đổi, Mỹ đã dùng biện pháp quân sự với mức độ cao nhất đối với nhân dân Việt Nam. Đó là mở cuộc tập kích đường không bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội và Hải Phòng trong suốt 12 ngày đêm cuối năm 1972. Tuy nhiên, cuộc tập kích đó bị thất bại hoàn toàn và sự thất bại trên chiến trường đã buộc Mỹ phải kí Hiệp định Paris ngày 27-1-1973 với những điều khoản đã thỏa thuận trước đó. Với Hiệp định Paris về “lập lại hòa bình, chấm dứt chiến tranh”, quân Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, Mỹ chấm dứt dính líu và can thiệp quân sự, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Hiệp định cũng là sự ghi nhận nhân dân Việt Nam căn bản hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút”, tạo nên so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng. *Hiệp định đã tạo ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, nó không chỉ là sự kiện ghi nhận “đánh cho Mỹ cút” mà còn tạo tiền đề “đánh cho ngụy nhào” vào mùa Xuân 1975 của nhân dân Việt Nam.

2. Một điểm đến chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975

Chiến thắng 30-4-1975 của nhân dân Việt Nam không phải ngẫu nhiên mà có, mà chiến thắng đó là sự hội tụ và điểm đến của các sự kiện: “Đồng khởi”, Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và Hiệp định Paris, là kết quả của một quá trình đấu tranh lâu dài và kiên cường: Từ đấu tranh hòa bình, đấu tranh chính trị giữ gìn lực lượng (1954 - 1959) chuyển sang thế tiến công, sử dụng đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, từng bước làm thất bại chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ được đánh dấu bằng phong trào Đồng khởi (1959 - 1960). Từ năm 1961 trở đi, cách mạng Việt Nam giữ vững và đẩy mạnh thế tiến công lần lượt đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ với đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968. Từ đây, bên cạnh cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, cách mạng Việt Nam có thêm hình thức đấu tranh ngoại giao trực tiếp với Mỹ, do kết quả của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 đưa lại. Với ba mũi giáp công của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao của nhân dân Việt Nam, Mỹ đã phải kí Hiệp định Paris để tiến tới lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đây chính là cơ sở để nhân dân Việt Nam tiến lên đấu tranh hoàn thành chặng đường cách mạng của mình: giành thắng lợi cuối cùng, “đánh cho ngụy nhào”, thống nhất đất nước.

Quá trình giành thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng chính là quá trình thất bại của Mỹ. Thực hiện phong trào Đồng khởi, triển khai cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 và buộc Mỹ phải kí Hiệp định Paris 1973 là ba bước ngoặt thể hiện nghệ

thuật thắng từng bước của Đảng Lao động Việt Nam, là các nấc thang thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ba bước ngoặt này mang tính logic của cuộc kháng chiến: thắng lợi trước là tiền đề, là cơ sở cho thắng lợi sau, thắng lợi tiếp sau là kết quả của thắng lợi trước, nó chính là bước chuẩn bị, sự tạo đà cho thắng lợi năm 1975 và là con đường dẫn nhân dân Việt Nam đến chiến thắng 30-4-1975 - đích cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 21 năm. Nếu không có “Đồng khởi” sẽ không có Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 và logic tiếp theo sẽ không có Hiệp định Paris và cuối cùng chưa thể sớm có thắng lợi vào mùa Xuân 1975.

Sở dĩ khẳng định điều này, bởi chính những thắng lợi có tính bước ngoặt này không chỉ tạo ra thế và lực cho cách mạng Việt Nam, mà còn để lại cho Đảng Lao động Việt Nam và nhân dân Việt Nam những bài học quý báu trên con đường tiến tới thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trước hết là bài học về bạo lực cách mạng: Trong quá trình đấu tranh chống thực dân xâm lược, giải phóng dân tộc, nhân dân Việt Nam luôn coi trọng và tận dụng con đường hòa bình để giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, khi kẻ thù đã lựa chọn và đặt bạo lực lên hàng đầu để chống lại thì người dân Việt Nam không còn con đường nào khác là phải dùng bạo lực cách mạng để đáp trả. Thực tế từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đến chống đế quốc Mỹ đã khẳng định điều này. Từ sau Hiệp định Giơnevơ, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh hòa bình để đi tới thống nhất đất nước. Tuy nhiên, Mỹ thế chân Pháp tiến hành xâm lược miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, xé bỏ Hiệp định

Giơnevơ, dùng bạo lực chống lại nhân dân miền Nam, khả năng đấu tranh thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình không còn nữa. Trong bối cảnh đó, nhân dân miền Nam Việt Nam không còn con đường nào khác là phải “dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị đế quốc và phong kiến, thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân” (11). Phong trào Đồng khởi (1959 - 1960) đã mở đầu cho bước thay đổi căn bản cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, tạo nên bước ngoặt trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Từ sau “Đồng khởi”, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Sau khi kí Hiệp định Paris, chính quyền Sài Gòn đã không thi hành Hiệp định, với sự viện trợ quân sự, kinh tế và chỉ huy của hơn 2 vạn cố vấn quân sự Mỹ, chính quyền này đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định, tiến hành các chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, liên tiếp mở các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vùng giải phóng, tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Trước tình hình này, Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã chỉ đường dẫn lối cho nhân dân miền Nam đứng lên “đánh cho ngụy nhào”.

Bài học từ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968 mà cách mạng Việt Nam có được là nắm vững tư tưởng cách mạng tiến công; chủ động, sáng tạo, sắc bén trong lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam; nghệ thuật nghi binh, chọn hướng, chọn mục tiêu tiến công; nghệ thuật phối hợp giữa tiến công và nổi dậy; tích cực và chủ động tạo thế và lực, tạo thời cơ và chớp thời cơ, thời điểm phát động cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Từ kinh nghiệm của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975,

quân và dân miền Nam đã có được những kinh nghiệm trong việc bố trí các hướng tiến quân vào Sài Gòn, sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang và quần chúng ở các đô thị và địa phương, giảm tổn thất cho cách mạng, giành thắng lợi nhanh chóng. Từ thực tế chiến trường năm 1968 đã giúp Đảng và nhân dân Việt Nam có những bước đi thích hợp trong thực hiện cuộc kháng chiến trong giai đoạn sau Mậu Thân. Và thực tế đó đã chỉ ra rằng, nếu không có sự kiện Mậu Thân 1968 thì không có đàm phán để đi tới kí kết Hiệp định Paris năm 1973 và logic tiếp theo là chưa thể sớm đi tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Bài học về sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 đã buộc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Paris để bàn về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Nhân dân Việt Nam đã có thêm một mũi giáp công, đó là đấu tranh ngoại giao. Cuộc đấu tranh ngoại giao này được hỗ trợ đắc lực từ những thắng lợi trên chiến trường ở hai miền Nam - Bắc đã giành thắng lợi, buộc Mỹ phải chấp nhận những điều khoản hợp tình, hợp lý từ phía Việt Nam đưa ra. Việc kí Hiệp định Paris (1-1973) là thắng lợi về mặt pháp lí, ghi nhận sự thất bại của Mỹ ở Việt Nam cũng là báo hiệu cho sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn sau đó, Mỹ phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, công nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam; từ đây nhân dân Việt Nam, về cơ bản, chỉ phải đối phó với chính quyền và quân đội Sài Gòn, đó là thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tiến lên “đánh cho ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Nếu không có Hiệp định Paris nhân dân Việt Nam vẫn phải chiến đấu cả lực lượng Mỹ, đồng minh

của Mỹ và lực lượng quân đội Sài Gòn, do đó cuộc kháng chiến có thể kéo dài hơn và khó khăn hơn.

*

“Trải qua hai mươi một năm chiến đấu, nhân dân ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt và dã man nhất từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai”

CHÚ THÍCH

(1). Trường Chinh, *Kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ*, Tạp chí *Quân đội Nhân dân*, tháng 5-1984, tr.8.

(2). *Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.19.

(3). Robert S. McNamara, *Nhìn lại quá khứ - Tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995, tr.316.

(4). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 29, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.50.

(5). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 29, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.50.

(6). Nguyễn Đôn Tự, *Diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (Qua tài liệu thu thập của các nhà báo Mỹ)*, trong sách “Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân - 1968”, Nxb. Quân đội Nhân dân, 1998, tr. 383 - 384.

(12). Trong hai mươi một năm ấy nhân dân Việt Nam không thể quên được ba bước ngoặt của cuộc kháng chiến đã dẫn đến chiến thắng ngày 30 tháng 4 năm 1975, bởi mỗi một bước ngoặt đã đánh dấu sự trưởng thành của lực lượng cách mạng. Kết quả của sự lớn mạnh cả về thế và lực ấy là chiến thắng vang dội ngày 30 tháng 4 năm 1975.

(7). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.216.

(8). Bộ Công an - Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh, *Vai trò của lực lượng Công an nhân dân trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968* (Kỷ yếu Hội thảo), tổ chức ngày 16-12-2017, tại Tp. Hồ Chí Minh, tr.779.

(9). Về cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc nước ta (Hồi ký của Lindon Giônxon), Việt Nam Thông tấn xã phát hành, 1972, tr.151.

(10). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 481.

(11). *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.214.

(12). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.5.